BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2012/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 36/2001/PL-UBTVQH được Chủ tịch nước công bố ngày 08 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 02/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về kiểm dịch thực vật;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành, hướng dẫn quy cách, ghi, sử dụng mẫu giấy tờ, sổ nghiệp vụ và dấu kiểm dịch thực vật; thẩm quyền ký, đóng dấu mẫu giấy tờ kiểm dịch thực vật và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 3. Mẫu giấy tờ, sổ nghiệp vụ, mẫu dấu và Bảng mã đơn vị kiểm dịch thực vật

Ban hành kèm theo Thông tư này 17 mẫu giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật (Phụ lục 1); 9 loại sổ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật (Phụ lục 2); Mẫu dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật (Phụ lục 3) và Bảng mã số đơn vị và mã trạm kiểm dịch thực vật (Phụ lục 4).

Điều 4. Quy cách Mẫu giấy tờ, Sổ nghiệp vụ và Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Quy cách Mẫu giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục 1

a) Các mẫu giấy: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17 (Phụ lục 1) thống nhất sử dụng khổ giấy A4 (210 x 297mm);

b) Các mẫu giấy: 10, 11 (Phụ lục 1) sử dụng loại giấy in máy tính liên tục, chất liệu giấy carbon, khổ giấy 219 x 305 mm (không kể phần biên giấy). Hai mẫu này thiết kế và in phôi giấy với hoa văn màu trên nền giấy trắng để sử dụng kết hợp với phần mềm chuyên dụng. Các liên phát hành hoa văn và nền màu xanh lá cây nhạt, liên lưu hoa văn màu vàng trên nền trắng;

c) Các mẫu giấy: 4, 5, 10, 11, 15, 16 (Phụ lục 1) được thiết kế song ngữ Việt - Anh.

2. Quy cách Sổ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục 2

a) Các loại sổ được đóng bìa cứng, có đầu thừa để ghi tiêu đề cột, giấy đóng sổ là loại giấy có dòng kẻ ngang. Sổ được ghi nhãn gồm tên sổ, đơn vị lập sổ và thời gian;

b) Các loại sổ có kích thước 33cm x 26cm. Riêng 2 sổ theo dõi hàng nhập/xuất khẩu kích thước 42cm x 32cm và được bố trí nội dung trên cả 2 trang sổ mở;

c) Sổ cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu được tổng hợp, kết xuất theo từng tháng từ phần mềm chuyên dụng để lưu trữ.

3. Quy cách Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục 3

a) Dấu nghiệp vụ Kiểm dịch thực vật hình elip. Kích thước 5cm x 3cm. Phần chính giữa là kiểm dịch thực vật hiệu. Hai đầu dấu theo chiều ngang có hình ngôi sao. Viền quanh dấu ghi 2 dòng bằng tiếng Anh:

Dòng trên: “Socialist Republic of Vietnam”

Dòng dưới: “Plant Quarantine Service”

b) Dấu được làm kiểu dấu tự động, liền mực, sử dụng mực màu xanh lam. Chất liệu mặt dấu: cao su chịu dầu.

Điều 5. Hướng dẫn ghi và sử dụng Mẫu giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Hướng dẫn ghi Mẫu giấy tờ nghiệp vụ tại Phụ lục 1

a) Tên cơ quan:

- Tên cơ quan chủ quản: tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp;

- Tên cơ quan kiểm dịch thực vật: tên cơ quan kiểm dịch thực vật cấp giấy.

b) Giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được hoàn thiện bằng cách lựa chọn và đánh dấu vào các ô vuông thích hợp ở đầu dòng hoặc điền các thông tin khai báo, đăng ký theo yêu cầu cụ thể tại từng mẫu giấy. Trường hợp không có lựa chọn thích hợp thì ghi nội dung vào các mục “trường hợp khác” hoặc “kết luận khác” phù hợp với thực tế.

2. Hướng dẫn sử dụng Mẫu giấy tờ nghiệp vụ tại Phụ lục 1

a) Mẫu giấy 2 do Cục Bảo vệ thực vật cấp;

b) Các mẫu giấy: 1, 3, 4, 9, 14 được in sẵn để chủ vật thể, chủ phương tiện vận chuyển khai báo;

c) Các mẫu giấy: 5, 6, 12, 13, 16 được in sẵn để cán bộ kiểm dịch thực vật sử dụng khi kiểm tra phương tiện vận chuyển, lấy mẫu, điều tra và giám sát khử trùng theo nghiệp vụ kiểm dịch thực vật;

d) Các mẫu giấy: 7, 8, 15, 17 được cơ quan kiểm dịch thực vật lập trên máy vi tính. Trong trường hợp các trạm kiểm dịch thực vật chưa có máy tính có thể sử dụng mẫu giấy in sẵn để ghi chép theo nghiệp vụ kiểm dịch thực vật;

đ) Các mẫu giấy: 10, 11 sử dụng phần mềm chuyên dụng về kiểm dịch thực vật theo hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật và in ra trên các loại phôi giấy chứng nhận do Cục Bảo vệ thực vật cấp. Trong trường hợp các trạm chưa có máy vi tính có thể sử dụng máy chữ để ghi nội dung cần thiết lên phôi giấy. Liên đầu tiên (hoa văn màu vàng) được lưu tại đơn vị kiểm dịch thực vật, các liên sau (hoa văn màu xanh) được cấp cho chủ vật thể. Các bản chính được đóng dấu "Origin", các bản sao được đóng dấu "Copy". Số lượng giấy chứng nhận cấp căn cứ theo giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (mẫu giấy 9).

Việc đánh số thứ tự trên các Mẫu giấy 10, 11 như sau: Số thứ tự do đơn vị hoặc trạm cấp (6 chữ số)/năm cấp giấy (2 chữ số cuối của năm)/mã đơn vị (2 chữ số) và mã trạm kiểm dịch thực vật cấp giấy (2 chữ số) liền nhau. Mã đơn vị và mã trạm kiểm dịch thực vật tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Ví dụ: 000003/12/0502: Giấy chứng nhận số 000003 cấp năm 2012 do Trạm KDTV Nội Bài thuộc Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng V cấp.

Trong trường hợp cần đính kèm theo Danh mục vật thể thực vật, phải đóng giáp lai dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật vào mặt sau giấy chứng nhận và bản danh mục.

Điều 6. Hướng dẫn ghi chép Sổ và sử dụng Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Cán bộ kiểm dịch thực vật thực hiện ghi chép sổ phải đảm bảo đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến lô hàng theo đề mục cột, chữ viết rõ ràng, đủ nét, không tẩy xóa, viết cùng 1 loại mực. Trong trường hợp có sai sót cần sửa thì phải được Thủ trưởng đơn vị xác nhận.

Sổ nghiệp vụ được viết liên tục theo thứ tự từng trang, không bỏ trống.

Việc ghi chép vào sổ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời. Kết quả thực hiện công tác trong ngày phải được vào sổ trước 11 giờ ngày hôm sau.

Cơ quan kiểm dịch thực vật có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập sổ nghiệp vụ trên máy vi tính, thường xuyên cập nhật dữ liệu và in ra để lưu trữ, đồng thời đảm bảo việc quản lý dữ liệu an toàn.

2. Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được sử dụng đóng vào mục "Dấu của cơ quan" tại các mẫu giấy 10 và 11 (Phụ lục 1).

3. Việc quản lý, lưu trữ Mẫu giấy tờ, Sổ nghiệp vụ và Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Thẩm quyền ký, đóng dấu mẫu giấy tờ kiểm dịch thực vật

1. Mẫu giấy 2 (Phụ lục 1) do lãnh đạo Cục Bảo vệ thực vật ký và đóng dấu của Cục Bảo vệ thực vật.

2. Các mẫu giấy 10 và 11 (Phụ lục 1) do Lãnh đạo Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng hoặc lãnh đạo Trạm kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng ký và đóng dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền cho Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất nhập khẩu, ký và đóng dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật đối với mẫu giấy 10, 11 (Phụ lục 1). Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh được ủy quyền đó chịu trách nhiệm trước pháp luật và Cục Bảo vệ thực vật về việc cấp các loại giấy trên.

3. Các Mẫu giấy 3, 7, 8, 15, 17 (Phụ lục 1) do Lãnh đạo Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, trạm Kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh được ủy quyền ký và đóng dấu của đơn vị mình.

4. Các mẫu giấy 5, 6, 9, 12, 13, 16 (Phụ lục 1) do cán bộ kiểm dịch thực vật ký và được đóng dấu treo của đơn vị Kiểm dịch thực vật (Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, trạm Kiểm dịch thực vật, Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh).

Điều 8. Trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Cục Bảo vệ thực vật

a) Thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo đúng các quy định của pháp luật;

b) Thực hiện in ấn và cấp phôi mẫu giấy 10, 11 (Phụ lục 1) cho Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng;

c) Đặt dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật để sử dụng thống nhất trong toàn quốc.

2. Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng

a) Trực tiếp thực hiện thủ tục và lập hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo thẩm quyền; hướng dẫn, đôn đốc các Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh trong vùng phụ trách thực hiện thủ tục và lập hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo đúng các quy định của pháp luật;

b) Tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch thực vật cho các Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh;

c) Cấp phôi giấy của mẫu giấy 10 và 11 (Phụ lục 1) cho các Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh được ủy quyền; theo dõi việc sử dụng số lượng, chủng loại phôi giấy đã cấp;

d) In ấn các mẫu giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật (trừ mẫu 2, 10, 11 của Phụ lục 1) và phát hành các loại giấy theo yêu cầu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

3. Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh

a) Trực tiếp thực hiện công tác kiểm dịch thực vật và lập hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật theo quy định tại Thông tư này và các văn bản liên quan trong phạm vi thẩm quyền của Chi cục;

b) Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất nhập khẩu phải thực hiện một số việc sau:

- Đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật mẫu chữ ký của lãnh đạo Chi cục và người có thẩm quyền ký mẫu giấy 10, 11 (Phụ lục 1). Trong trường hợp thông tin có sự thay đổi phải thông báo ngay với Cục Bảo vệ thực vật;

- Hàng quý, Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh phải báo cáo số lượng giấy chứng nhận đã sử dụng, số lượng phôi giấy còn lại, nộp liên lưu (màu vàng) cùng với số giấy hỏng về Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng phụ trách khi xin cấp tiếp.

c) In ấn các mẫu giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật (trừ mẫu 2, 10, 11 của Phụ lục 1) và phát hành các loại giấy theo yêu cầu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

4. Chủ vật thể có trách nhiệm

a) Khai báo theo mẫu giấy đăng ký với cơ quan kiểm dịch thực vật;

b) Tạo điều kiện để cán bộ kiểm dịch thực vật thực thi nhiệm vụ theo quy định;

c) Thực hiện các quy định trong giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật đã được cấp.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng.....năm 2012, thay thế Quyết định số 16/2004/QĐ-BNN-BVTV ngày 20 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về các thủ tục kiểm tra vật thể và lập hồ sơ kiểm dịch thực vật.

Bãi bỏ Phụ lục 3 của Thông tư số 18/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 và các Phụ lục 1, 2, 3 của Thông tư 88/2007/TT-BNN ngày 01/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

Phụ lục I

DANH MỤC MẪU GIẤY TỜ NGHIỆP VỤ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật gồm 17 mẫu sau:

1. Mẫu giấy 1 - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.
2. Mẫu giấy 2 - Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.
3. Mẫu giấy 3 - Giấy đăng ký kiểm dịch.
4. Mẫu giấy 4 - Bản khai kiểm dịch thực vật.
5. Mẫu giấy 5 - Biên bản kiểm tra kiểm dịch thực vật đối với phương tiện chuyên chở.
6. Mẫu giấy 6 - Biên bản kiểm dịch và lấy mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
7. Mẫu giấy 7 - Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật.
8. Mẫu giấy 8 - Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.
9. Mẫu giấy 9 - Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu.
10. Mẫu giấy 10 - Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.
11. Mẫu giấy 11 - Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu.
12. Mẫu giấy 12 - Biên bản điều tra sinh vật gây hại vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
13. Mẫu giấy 13 - Biên bản điều tra sinh vật gây hại trong kho nông sản.
14. Mẫu giấy 14 - Giấy khai báo giống cây trồng nhập nội.
15. Mẫu giấy 15 - Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
16. Mẫu giấy 16 - Biên bản giám sát xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
17. Mẫu giấy 17 - Thông báo về kiểm dịch thực vật.

Mẫu giấy 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Số:.....

Kính gửi:.....

Tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu cho lô vật thể dưới đây của cơ quan chúng tôi:

Tên vật thể: .....

Tên khoa học: .....

Khối lượng: .....

Số lượng: .....

Phương thức đóng gói: .....

Vùng sản xuất: .....

Nước xuất khẩu: .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Cửa khẩu nhập: .....

Địa điểm sử dụng: .....

.....

Thời gian lô vật thể nhập khẩu: .....

Hồ sơ kèm theo: .....

Vào sổ số:..... ngày ___/___/____	*....., ngày..... tháng.....năm.....*
Cán bộ nhận đơn	**Đại diện cơ quan**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu giấy 2
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /BVTV-KD	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20....*

GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, căn cứ vào:

☐ Đơn đề nghị cấp Giấy phép Kiểm dịch thực vật nhập khẩu của.....

.....

☐ Báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại số... ngày.... tháng..... năm.....

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý về mặt kiểm dịch thực vật (KDTV) để tổ chức, cá nhân có tên và địa chỉ dưới đây:

.....

.....

Nhập vào Việt Nam từ nước:

.....

Những vật thể thuộc diện KDTV sau:

.....

.....

.....

Tên khoa học:.....

.....

Với điều kiện phải thực hiện những yêu cầu KDTV sau đây:

1. Áp dụng các biện pháp xử lý tại nước xuất khẩu:

☐ Khử trùng: Loại thuốc:..... Liều lượng:..... Thời gian:.....

☐ Chiếu xạ: Nguồn:..... Liều lượng:..... Thời gian:.....

☐ Được sản xuất từ khu vực không nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;

☐ Biện pháp khác:.....

2. Có Giấy chứng nhận KDTV do cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ/KDTV của nước xuất khẩu cấp;

3. Những vật thể trên:

Chỉ được phép đưa vào qua các cửa khẩu sau đây:

.....

Phải được hoàn tất thủ tục KDTV tại: .....

4. Lộ trình vận chuyển: .....

5. Địa điểm sử dụng: .....

.....

6. Khi tới nơi quy định, chủ vật thể trên phải thực hiện những nội dung sau đây:

☐ Khai báo với Chi cục Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố địa điểm gieo trồng để tiếp tục theo dõi tình trạng dịch hại;

☐ Khai báo với Trung tâm KDTV sau nhập khẩu.....;

☐ Chỉ được đưa ra sản xuất sau khi có kết luận của cơ quan KDTV.

☐ Yêu cầu KDTV khác:

.....

.....

.....

.....

7. Giấy phép này có hiệu lực đến ngày..... tháng..... năm 20.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Giấy phép KDTV nhập khẩu này được lập thành 4 bản:

- Một bản do cơ quan đặt hàng giữ;
- Một bản do cơ quan nhập khẩu giữ;
- Một bản lưu tại cơ quan KDTV của địa bàn có cửa khẩu mà hàng thực vật nhập vào;
- Một bản lưu tại Cục Bảo vệ thực vật.

2. Cơ quan KDTV nơi nhận phải tiến hành thống kê nghiêm ngặt những Giấy phép KDTV nhập khẩu nhận được

Mẫu giấy 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....*ngày*..... *tháng*..... *năm*.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH (*)

Kính gửi:.....(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:
Địa chỉ:
Điện thoại:..... Fax/E-mail:.....
Số Giấy CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):
1. Tên hàng:..... Tên khoa học:.....
Cơ sở sản xuất: .....
Mã số *(nếu có):* .....
Địa chỉ: .....
2. Số lượng và loại bao bì:
3. Khối lượng tịnh:..... Khối lượng cả bì:.....
4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr...)*:.....
5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
Địa chỉ: .....
6. Nước xuất khẩu:.....
7. Cửa khẩu xuất: .....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
Địa chỉ: .....
9. Cửa khẩu nhập: .....
10. Phương tiện vận chuyển:.....
11. Mục đích sử dụng:.....
12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu *(nếu có):* .....
13. Địa điểm kiểm dịch: .....
14. Thời gian kiểm dịch: .....
15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi..... giờ ngày..... tháng..... năm.....

Vào sổ số....., ngày..... tháng..... năm.....
.....(*).....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo Mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

Mẫu giấy 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PHYTOSANITARY INSPECTION

Tên tàu:..... Quốc tịch:.....
Name of ship *Nationality*
Tên thuyền trưởng:..... Số hành khách:.....
Master's name: *Number of passengers*
Số thuyền viên:.....
Number of crew:
Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:.....
Port of arrival from *Next port*
Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
The first port of loading and the date of departure.....
Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of regulated article loaded at the first port:.....
.....
.....
.....
.....
Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:
Name, quantity and weight of regulated article loaded at the intermediate ports and the names of these ports:
.....
.....
Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật cần bốc dỡ ở cảng này:
Name, quantity and weight of regulated article to be discharged at this port:
.....
.....
Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for entirely by the said regulations on plant quarantine.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
Date
Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu giấy 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Việt)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Anh)	Socialist Republic of Vietnam
(TÊN CƠ QUAN KDTV - Tiếng Việt)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(TÊN CƠ QUAN KDTV) - Tiếng Anh)	Independence - Freedom - Happiness
Số:.....	***Nơi, ngày:***
N^{0}	Place, date:

BIÊN BẢN KIỂM TRA KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN CHỞ

(Tàu thủy, máy bay, xe lửa, xe hơi...)

Minute of Phytosanitary inspection on the means of conveyance

(Ship, airplane, train, car...)

Với sự có mặt của chủ phương tiện chuyên chở là Ông (Bà):.....

With the presence of the Master of the means of conveyance, Mr/Mrs:

.....

và Ông (Bà):.....

and Mr/Mrs:

Tôi là (I am):

Cán bộ cơ quan Kiểm dịch thực vật:

Plant Quarantine Officer

Lập biên bản này về việc kiểm dịch thực vật đối với phương tiện chuyên chở dưới đây:

Drawing up this minute of phytosanitary inspection on the means of conveyance:

- Loại và tên phương tiện:

Name and kind of the means of conveyance:

- Đăng ký tại:

Registed at:

- Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (vật thể):.....

Name, quantity and weight of regulated article:

.....

.....

- Vận chuyển từ:..... đến:.....

Transported from: to:

Kết quả kiểm tra sơ bộ cho thấy:

Results of primary inspection are as follow:

☐ Chưa phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;

Regulated pests of Vietnam have not been detected yet

☐ Đã phát hiện thấy sinh vật gây hại còn sống. Kết quả giám định được trả lời trong phạm vi 24 giờ .

Living pest(s) were/was detected, the result of inspection will be made available within 24 hours.

☐ Đã phát hiện loài.....

Là dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam. Tàu không được phép cập cảng, không mở nắp bốc dỡ hàng;

Detected..... is regulated pest of Vietnam. Ship is not allowed to make a landfall and do not open lid or unload.

☐ Trường hợp khác:.....

Others

Theo luật lệ Kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lô vật thể trên phải chịu sự giám sát của cơ quan kiểm dịch thực vật. Trưởng phương tiện chuyên chở phải tiến hành đúng thời hạn quy định những biện pháp sau đây:

According to the Plant Quarantine Regulations of the Socialist Republic of Vietnam, lot of regulated article above must be supervised by Plant Quarantine Service. The Master of the of conveyance must carry out the following measures:

☐ Tàu được phép cập cảng, bốc dỡ hàng;

Ship is allowed to make a landfall and unload

☐ Lô vật thể trên phải được thực hiện các biện pháp xử lý theo chỉ định và dưới sự giám sát của cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam;

Lot of regulated article above must be treated by measures that designated and supervised by Plant Quarantine Service of Vietnam

☐ Biện pháp khác:.....

Others

Những mẫu hàng sau đây đã được lấy để phân tích, giám định (số lượng, khối lượng mẫu).

The following samples of the consignment have been taken for futher inspection (quantity, weight)

.....

.....

.....

.....

Biên bản này được lập thành 2 bản, 1 do chủ phương tiện giữ và 1 do cơ quan kiểm dịch thực vật giữ.

The minute has been made in 2 copies, one for the Master of the means of conveyance and the other is kept by Plant Quarantine Service.

Trưởng phương tiện chuyên chở	**Cán bộ kiểm dịch thực vật**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
The Master of the means of conveyance	**Plant Quarantine Officer**
(Name, signature and stamp)	*(Name and signature)*

Mẫu giấy 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN
KIỂM DỊCH VÀ LẤY MẪU VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Nơi kiểm tra/lấy mẫu: .....

Tôi: .....

Là cán bộ của: .....

Với sự có mặt của Ông, Bà: .....

Đại diện cho:.....

Theo quy định về kiểm dịch thực vật (KDTV) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã tiến hành kiểm tra và lấy mẫu những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây:

STT	Tên vật thể	Số lượng (bao kiện)	Khối lượng lô vật thể		Tên địa phương sản xuất	Mẫu trung bình đã lấy	
			Tấn	m^3		Số lượng	Khối lượng

Kết quả kiểm tra:

☐ Chưa phát hiện sinh vật gây hại (không lấy mẫu);

☐ Đã phát hiện thấy..... là dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam.

☐ Qua kiểm tra thực tế, lô hàng chưa phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu;

☐ Chưa phát hiện/Đã phát hiện sinh vật gây hại. Lấy mẫu và thu thập sinh vật gây hại để phân tích giám định, kết quả được trả lời trong phạm vi 24 giờ; *(chữ nào không cần thì gạch đi)*

☐ Đã kiểm tra bên ngoài lô hàng, chưa phát hiện thấy dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam; Hàng đảm bảo độ kín

☐ Kết quả khác:.....

Ông, Bà ..... đã nhận số lượng mẫu ghi trong biên bản này.

Biên bản này được lập thành hai bản:..... - Một do người có hàng giữ.

- Một do cán bộ KDTV giữ.

Đại diện hải quan, ga xe, hải cảng, sân bay (nếu có)	**Người có hàng**	**Cán bộ KDTV**
(Ký và ghi rõ họ tên)	***(Ký và ghi rõ họ tên)***	***(Ký và ghi rõ họ tên)***

Kết quả giám định (sinh vật gây hại đã phát hiện):

.....

.....

.....

.....

Kết luận:

☐ Lô hàng phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu;

☐ Chủ vật thể phải thực hiện ngay các biện pháp xử lý theo chỉ định và dưới sự giám sát của cơ quan KDTV Việt Nam;

☐ Lô hàng phù hợp với yêu cầu nhập khẩu của Việt Nam và được phép nhập khẩu;

☐ Lô hàng chưa phù hợp với yêu cầu nhập khẩu của Việt Nam;

☐ Lô hàng chưa phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu;

☐ Được phép vận chuyển đến.....Trước khi bốc dỡ phải thông báo cho Chi cục KDTV vùng..... lấy mẫu và kiểm tra;

☐ Kết luận khác.....

Phí KDTV: .....

Số mẫu lưu: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Cán bộ KDTV

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu giấy 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY TẠM CẤP KẾT QUẢ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Số:...../KDTV

Cấp cho: .....

Địa chỉ: .....

Tên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật:.....

Số lượng:..... (viết bằng chữ) .....

Khối lượng:..... (viết bằng chữ).....

.....

Số vận đơn:.....

Địa điểm để hàng: .....

Ngày kiểm tra:.....

Kết quả kiểm dịch thực vật (KDTV): .....

1. Vật thể nhập khẩu:

☐ Chưa phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Hàng được phép bốc dỡ và vận chuyển đến.....; Trong quá trình bốc dỡ và vận chuyển, nếu phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể phải thực hiện ngay các biện pháp xử lý theo quy định về KDTV;

☐ Kiểm tra bên ngoài lô hàng, chưa phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Hàng được phép vận chuyển đến.....

☐ Chủ vật thể phải báo ngay cho Chi cục KDTV vùng..... để hoàn tất thủ tục KDTV;

2. Vật thể xuất khẩu:

☐ Lô hàng đã được kiểm dịch và đủ điều kiện xuất khẩu;

☐ Được phép vận chuyển lên tàu.

Chủ vật thể phải nộp Giấy chứng nhận KDTV chính thức cho cơ quan Hải quan để thay thế cho Giấy tạm cấp này ngay sau khi được cơ quan KDTV cấp.

3. Có giá trị từ ngày ___ / ___ / _____ đến ngày___ / ___ / _____

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu giấy 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

Số:...../KDTV

Cấp cho:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

☐ Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số..... ngày...../...../ ..... ;

☐ Giấy đăng ký KDTV; ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất hàng; .....

☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;

☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;

☐ Căn cứ khác:.....

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV(vật thể) sau đây:.....

.....

Số lượng: .....

Khối lượng:..... (*viết bằng chữ*) .....

Số vận đơn:.....

Phương tiện vận chuyển: .....

Nơi đi:.....

Nơi đến: .....

☐ Chưa phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;

☐ Phát hiện loài..... là dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để dịch hại trên;

☐ Phát hiện dịch hại lạ. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để dịch hại trên;

☐ Lô vật thể trên được phép chở tới:.....

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

☐ Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

☐ Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam;

☐ Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam *(trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng,....);*

☐ Điều kiện khác:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nghiêm cấm việc chở hàng đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.

Mẫu giấy 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU/ TÁI XUẤT KHẨU

Kính gửi:.....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại:..... Fax/E-mail:.....
Số Giấy CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng xuất khẩu sau:
1. Tên hàng:..... Tên khoa học:.....
Cơ sở sản xuất: .....
Mã số *(nếu có):*.....
Địa chỉ: .....
2. Số lượng và loại bao bì:.....
3. Khối lượng tịnh:..... Khối lượng cả bì:.....
4. Ký mã hiệu, số hợp đồng hoặc LC:.....
5. Phương tiện chuyên chở:.....
6. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
Địa chỉ: .....
7. Cửa khẩu xuất:.....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....
Địa chỉ: .....
9. Cửa khẩu nhập:.....
10. Mục đích sử dụng:.....
11. Địa điểm kiểm dịch: .....
12. Thời gian kiểm dịch: .....
13. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):.....
.....
Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp:..... bản chính;..... bản sao .....
Vào sổ số:..... ngày...../...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký	**Tổ chức, cá nhân đăng ký**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu giấy 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS	CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

PHYTOSANITARY CERTIFICATE

Gửi : Cơ quan Bảo vệ thực vật nước
TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF

Số (NO) .....

DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)

1. **Tên và địa chỉ người xuất khẩu:** NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :	5. **Nơi sản xuất:** PLACE OF ORIGIN :
	6. **Phương tiện chuyên chở:** DECLARED MEANS OF CONVEYANCE :
2. **Tên và địa chỉ người nhận:** DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :	7. **Cửa khẩu nhập:** DECLARED POINT OF ENTRY :
	8. **Tên và khối lượng sản phẩm:** NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED :
3. **Số lượng và loại bao bì:** NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :	
	9. **Tên khoa học của thực vật:** BOTANICAL NAME OF PLANTS
4. **Ký, mã hiệu:** DISTINGUISHING MARKS :	

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu.

This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.

KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)

XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)

10. **Ngày** (DATE)	12. **Tên thuốc *(hoạt chất)*:** CHEMICAL (active ingredient) :	14. **Thời gian và nhiệt độ:** DURATION AND TEMPERATURE :
11. **Phương pháp xử lý** (TREATMENT) :	13. **Nồng độ** (CONCENTRATION) :	15. **Thông tin thêm** (ADDITIONAL INFORMATION) :
16. **Dấu của cơ quan** STAMP OF ORGANIZATION	17. **Nơi cấp giấy:** PLACE OF ISSUE	19. **Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền** NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER
	18. **Ngày cấp:** DATE ISSUED	

Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này.
No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.

Mẫu giấy 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU

PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT

Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước
TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF

Số (No.): .....

DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)

1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :	**5. Nơi sản xuất:** PLACE OF ORIGIN : **6. Phương tiện chuyên chở:** DECLARED MEANS OF CONVEYANCE
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :	**7. Cửa khẩu nhập:** DECLARED POINT OF ENTRY : **8.Tên và khối lượng sản phẩm:** NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:
3. Số lượng và loại bao bì NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :	
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS :	**9. Tên khoa học của thực vật:** BOTANICAL NAME OF PLANTS:

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) nêu trên được nhập khẩu vào Việt Nam từ nước *(This is to certify that the plants, plant products described above were imported into Vietnam from)*……..với Giấy chứng nhận KDTV số *(covered by Phytosanitary Certificate No)*……., bản gốc *(original)* ☐ bản sao *(certified true copy)* ☐ gửi kèm theo giấy chứng nhận này *(of which is attached to this certificate)*; rằng chúng đã được đóng gói *(that they are packed)* ☐ đóng gói lại *(repacked)* ☐ giữ nguyên bao bì gốc *(in original)* ☐ bao bì mới *(new container)* ☐ trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc *(that based on original phytosanitary certificate)* ☐ và kiểm tra bổ sung *(and additional inspection)* ☐ , được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại Việt Nam, lô hàng này không bị lây nhiễm sinh vật gây hại *(they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, and that during storage in Vietnam, the consignment has not been subjected to risk of infestation or infection).*

KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)

XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)

10. Ngày DATE	**12. Tên thuốc *(hoạt chất)*:** CHEMICAL *(active ingredient)*	**14. Thời gian và nhiệt độ** DURATION AND TEMPERATURE
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)	**13. Nồng độ** (CONCENTRATION)	**15. Thông tin thêm** (ADDITIONAL INFORMATION)
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION	**17. Nơi cấp giấy** PLACE OF ISSUE **18. Ngày cấp** DATE ISSUED	**19. Tên, chữ ký của cán bộ kiểm dịch thực vật có thẩm quyền** NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER

Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này.
No financial liability with respect to this certificate attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.

Mẫu giấy 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA SINH VẬT GÂY HẠI VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Họ tên: .....

Là cán bộ kiểm dịch thực vật (KDTV) của: .....

.....

Với sự có mặt của ông (bà): .....

.....

đã tiến hành điều tra:

1. Tên cây trồng: .....
2. Tại địa điểm: .....
3. Nguồn gốc giống: ..... Thời gian nhập khẩu: .....
4. Phương pháp điều tra: .....
5. Diện tích cây trong vùng điều tra: .....
6. Diện tích điều tra: .....
7. Diện tích điểm điều tra: .....
8. Số lượng cây điều tra: .....
9. Số lượng mẫu thu thập: .....
10. Số lượng mẫu đất đã lấy: .....
11. Số lượng vật bị hại, bị nhiễm đã thu thập: .....

.....

12. Kết quả điều tra, phân tích giám định: .....

a) Thành phần loài và mật độ dịch hại thông thường đã phát hiện *(chi tiết tại bảng mặt sau biên bản)*

b) Dịch hại thuộc diện điều chỉnh và mật độ đã phát hiện hoặc nghi ngờ cần định loại tiếp: .....

.....

13. Nhận xét, kết luận: .....

.....

Biên bản này được lập thành hai bản, chủ vật thể /đại diện chủ vật thể và người điều tra mỗi bên giữ 1 bản.

Chủ vật thể/đại diện của chủ vật thể *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**Người điều tra** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Đề nghị chủ vật thể tiếp tục theo dõi, khi phát hiện thấy có sinh vật gây hại lạ phải báo ngay cho cơ quan Bảo vệ và KDTV nơi gần nhất biết để xử lý.

Thành phần loài dịch hại tại.....

STT	Tên thông thường	Tên khoa học	Mật độ
1			
2			
3			
….			

Mẫu giấy 13
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA SINH VẬT GÂY HẠI TRONG KHO NÔNG SẢN

Họ tên: .....
Là cán bộ kiểm dịch thực vật (KDTV) của: .....
.....
Với sự có mặt của ông (bà): .....
Đại diện cho: .....
đã tiến hành điều tra:
1. Tên nông sản bảo quản: .....
2. Tại địa điểm: .....
3. Diện tích kho: ..... Thể tích kho: ..... Khối lượng hàng: .....
4. Tính chất hàng (đổ rời hay đóng gói): .....
5. Phương pháp điều tra: .....
6. Phương pháp lấy mẫu: .....
7. Số lượng mẫu ban đầu..... Khối lượng mẫu ban đầu: .....
8. Số lượng mẫu trung bình: ..... Khối lượng mẫu trung bình: .....
9. Số lượng vật bị hại, bị nhiễm đã thu thập: .....
.....
10. Kết quả điều tra, phân tích giám định: .....
a) Thành phần loài và mật độ dịch hại thông thường đã phát hiện: *(chi tiết tại bảng mặt sau biên bản)*
b) Dịch hại thuộc diện điều chỉnh và mật độ đã phát hiện hoặc nghi ngờ cần định loại tiếp:
.....
12. Nhận xét, kết luận: .....
.....
Biên bản này được lập thành hai bản, chủ vật thể /đại diện chủ vật thể và người điều tra mỗi bên giữ 1 bản.

Chủ vật thể/đại diện của chủ vật thể *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**Người điều tra** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Đề nghị chủ vật thể tiếp tục theo dõi, khi phát hiện thấy có sinh vật gây hại lạ phải báo ngay cho cơ quan Bảo vệ và KDTV nơi gần nhất biết để xử lý.

Thành phần loài dịch hại đã phát hiện tại kho.....

STT	Tên thông thường	Tên khoa học	Mật độ
1			
2			
3			
….			

Mẫu giấy 14
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU VẬT THỂ THUỘC DIỆN KDTV	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY KHAI BÁO
VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP NỘI

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....
Nhập khẩu và đưa vào gieo trồng/nhân nuôi/sử dụng trên địa bàn tỉnh.....
vật thể sau *(chữ nào không cần thì gạch đi)*:
☐ Giống cây trồng ☐ Sinh vật có ích ☐ Vật thể nhiễm dịch đã xử lý

STT	Tên giống/sinh vật/vật thể khác	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm gieo trồng/nhân nuôi/sử dụng (xã, huyện)	Thời gian nhập khẩu

Tổ chức/Cá nhân khai báo
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống cây trồng/sinh vật có ích/vật thể nhiễm dịch đã được xử lý phải nộp giấy khai báo này cho Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh khi đưa vật thể trên vào địa bàn tỉnh.

Đối với giống cây trồng mới, lần đầu tiên nhập khẩu hoặc sinh vật có ích, ngay sau khi nhập khẩu, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải nộp giấy khai báo này cho cả Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu.

Giấy khai báo này có thể gửi trước qua fax, email

Mẫu giấy 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Việt)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Anh)	Socialist Republic of Vietnam
(TÊN CƠ QUAN KDTV - Tiếng Việt)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(TÊN CƠ QUAN KDTV) - Tiếng Anh)	Independence - Freedom - Happiness

LỆNH GIỮ LẠI VÀ XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
unloaded ceasing and treating order of the regulated article

Số: /KDTV ….
No:

Kính gửi:.....
To:

Căn cứ vào Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tình trạng nhiễm dịch của vật thể dưới đây:
According to regulations on the Plant Protection and Quarantine of the Socialist Republic of Vietnam and the infested state of the under discribed regulated article:

- Tên vật thể nhiễm dịch (hàng hóa, kho hoặc phương tiện chuyên chở) (1).....
  Name of regulated article infested (commodity, store or means of conveyance) (1)
- Số lượng:..... Khối lượng: .....
  Quantity: Weight:
- Tên và địa chỉ chủ hàng:.....
  (Người xuất khẩu, thủ kho hoặc chủ phương tiện chuyên chở) (2)
  Name and adress of Owners of regulated article:.....
  (Exporter, store-keeper or owner of means of conveyance) (2):
- Tên và địa chỉ người nhận:.....
  Name and address of consignee:
- Phương tiện chuyên chở..... Quốc tịch:.....
  Means of conveyance *Nationality*
- Bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc các dịch hại nguy hiểm khác, cụ thể là:.....
  Infested by regulated pests of the Socialist Republic of Vietnam and other dangerous pests, concretely as follow(s)
- Nay quyết định biện pháp xử lý lô vật thể đó như sau:.....
  Treatment measures must be applied to the regulated article as follow:

☐ Khử trùng *(Fumigation)*
Thuốc khử trùng và nồng độ *(Fumigant and concentration):* Địa điểm khử trùng *(Place of fumigation or disinfection*):
Thời gian: Quy định sau khử trùng *(Regulations after disinfection):*
Duration of exposure

☐ Tái xuất *(Re-export):*..... Thời gian:.....
☐ Tiêu hủy *(Destroy):*..... Thời gian:.....
☐ Biện pháp khác *(Other);*..... Thời gian:.....

Ngày:_____ / ____ / _____
Date:

Nơi nhận: .....
To:.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
Chief of Plant Quarantine Service
(Ký tên, đóng dấu)
(Name, signature, stamp)

(1), (2) Chữ nào không dùng thì xóa đi

Mẫu giấy 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Việt)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Anh)	Socialist Republic of Vietnam
(TÊN CƠ QUAN KDTV - Tiếng Việt)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(TÊN CƠ QUAN KDTV) - Tiếng Anh)	Independence - Freedom - Happiness

....., ngày..... tháng..... năm.....
Date

BIÊN BẢN
GIÁM SÁT XỬ LÝ VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
Minute of supervision on regulated article treatment

Tôi là:....., cán bộ cơ quan Kiểm dịch thực vật
I am: , Plant Quanrantine Officer
Với sự có mặt của Ông, Bà:..... Đại diện:.....
With the presence of Mr/Mrs: Representative
và sự có mặt của Ông, Bà:..... Đại diện: .....
and the presence of Mr/Mrs: Representative
Đã tiến hành giám sát việc xử lý:.....
Has supervised the following treatment:

1. Lô vật thể (tên vật thể): .....
Name of regulated article:
- Số lượng, khối lượng (hoặc dung lượng) và ký mã hiệu:.....
Quantity, weight, (or capacity) and distinguishing marks:
- Xuất xứ:.....
Place of origin:
- Địa chỉ người gửi: .....
Declared address of exporter:
- Địa chỉ người nhận:.....
Declared address of consignee:
- Hợp đồng, LC số:..... Ngày:.....
Contract, LC number: Date
- Phương tiện chuyên chở:..... Số vận đơn: .....
Means of conveyance Bill of lading number

2. Tổ chức thực hiện xử lý: .....
Name of treatment service provider:

3. Mục đích, yêu cầu xử lý: .....
Aim, requirements of treatment:

4. Địa điểm xử lý: .....
Place of treatment:

5. Biện pháp xử lý:.....
Treatment method

6. Thời gian xử lý:.....
Duration of treatment:

7. Những sai sót đã phát hiện trong quá trình xử lý: .....
Mistakes have been discovered during treatment.....

8. Kết quả giám sát xử lý: .....
Result of treatment supervision:

Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	**Đại diện đơn vị xử lý**	**Người giám sát**
Owner of regulated article	*Representative of treatment service provider*	*Supervisor*
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
(Signature, stamp)	*(Signature, stamp)*	*(Signature)*

Mẫu giấy 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về kiểm dịch thực vật

Số: /KDTV

Kính gửi:.....

Ngày..... tháng..... năm....., (tên cơ quan kiểm dịch thực vật (KDTV)) tại cửa khẩu .....

Đã tiến hành làm thủ tục KDTV cho lô vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) có chi tiết dưới đây:

- Tên và địa chỉ của chủ vật thể:.....
.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

- Tên vật thể:.....
- Số lượng: .....
- Khối lượng: .....
- Phương tiện vận chuyển:.....
- Nhập khẩu từ nước:.....
- Mục đích sử dụng vật thể sau khi nhập khẩu *(nêu cụ thể gieo trồng, sản xuất hay chế biến v.v...)*.....
- Địa điểm sử dụng vật thể nhập khẩu *(nêu cụ thể địa chỉ):*
.....
- Kết quả KDTV tại cửa khẩu như sau *(nêu rõ tình trạng nhiễm dịch hoặc xử lý v.v...)*
.....
.....
.....

Vậy thông báo để quý cơ quan biết và đề nghị quý cơ quan tiến hành theo dõi tiếp diễn biến tình hình sinh vật gây hại hoặc làm tiếp thủ tục KDTV đối với lô vật thể nêu trên. *(chữ nào không cần thì gạch đi).*

Sau khi có kết quả theo dõi sinh vật gây hại hay làm thủ tục KDTV, đề nghị quý cơ quan thông báo lại cho chúng tôi được biết.

Nơi nhận: - Như trên; - Cục BVTV (để báo cáo); - Lưu.....	**Thủ trưởng đơn vị KDTV** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục II

DANH MỤC SỔ NGHIỆP VỤ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Sổ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật gồm 09 mẫu sau:

1. Mẫu sổ 1 - Sổ cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu;
2. Mẫu sổ 2 - Sổ theo dõi hàng nhập khẩu;
3. Mẫu sổ 3 - Sổ kết quả giám định và lưu mẫu hàng nhập khẩu;
4. Mẫu sổ 4 - Sổ theo dõi nhập khẩu và thông báo giống;
5. Mẫu sổ 5 - Sổ theo dõi hàng xuất khẩu;
6. Mẫu sổ 6 - Sổ kết quả giám định và lưu mẫu hàng xuất khẩu;
7. Mẫu sổ 7 - Sổ theo dõi giám sát khử trùng hàng xuất nhập khẩu;
8. Mẫu sổ 8 - Sổ theo dõi hàng chuyển tiếp, quá cảnh;
9. Mẫu sổ 9 - Sổ theo dõi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật.

I. HÀNG NHẬP KHẨU

1. Sổ cấp giấy phép KDTV nhập khẩu

Số GP	Ngày nộp hồ sơ	Ngày cấp	Ngày trả	Đơn vị được cấp	Tên hàng	Tên khoa học	Khối lượng	Mục đích	Thời gian nhập	Cửa khẩu nhập	Nước xuất	Dịch hại cần lưu ý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

2. Sổ theo dõi hàng nhập khẩu

STT	Số đăng ký	Ngày đăng ký	Chủ hàng	Tên hàng	Tên khoa học	Số lô	Số lượng	Khối lượng	Phương tiện	Nước xuất khẩu	Kiểm tra KDTV			Tình trạng dịch hại	Kết luận	Giấy chứng nhận KDTV				Phí KDTV	Biên lai thu phí	Ghi chú
											Ngày ktra	Địa điểm kiểm tra	Cán bộ lấy mẫu/ kiểm tra			Số GCN	Ngày cấp	Số bản cấp	Chủ hàng ký nhận			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)

3. Sổ kết quả giám định và lưu mẫu hàng nhập khẩu

STT	Số đăng ky	Ngày đăng ký	Tên hàng	Tên khoa học	Nơi để hàng	Tổ chức, cá nhân XK	Tổ chức, cá nhân NK	Khối lượng mẫu (Kg)			Tình trạng dịch hại	Kết luận	Cán bộ lấy mẫu	Ngày kiểm tra mẫu	Cán bộ kiểm tra mẫu	Tình trạng dịch hại sau lưu	Quyết định biện pháp xử lý mẫu			Ghi chú
								Mẫu lấy	Giám định	Lưu							Trả lại	Thanh lý	Hủy	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

4. Sổ theo dõi nhập khẩu và thông báo giống

STT	Ngày	Giấy phép		Chủ hàng	Tên hàng	Tên khoa học	Nước xuất khẩu	Số lượng	Khối lượng		Tình trạng dịch hại	Biện pháp xử lý (nếu có)	Nơi nhận TB (nơi hàng đến)	Ghi chú
		Số	Ngày						Giấy phép	Thực nhập				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

II. HÀNG XUẤT KHẨU

5. Sổ theo dõi hàng xuất khẩu

Số đăng ký	Ngày đăng ký	Chủ hàng	Tên hàng	Tên khoa học	Nơi sản xuất	Số lô	Số lượng	Khối lượng	Phương tiện	Hợp đồng, LC	Nước nhập hàng	Kiểm tra KDTV			Tình trạng dịch hại	Kết luận	Giấy chứng nhận KDTV				Phí KDTV	Biên lai thu phí	Ghi chú
												Ngày	Địa điểm	Cán bộ lấy mẫu/ kiểm tra			Số GCN	Ngày cấp	Số bản cấp	Chủ hàng ký nhận			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)

6. Sổ kết quả giám định và lưu mẫu hàng xuất khẩu

STT	Số đăng ký	Ngày lưu mẫu	Tên hàng	Tên khoa học	Nơi để hàng	Cơ quan XK (nước XK)	Cơ quan NK (nước NK)	Khối lượng mẫu (Kg)			Tình trạng dịch hại	Kết luận	Cán bộ lấy mẫu	Ngày kiểm tra mẫu	Cán bộ kiểm tra mẫu	Tình trạng dịch hại sau lưu	Quyết định biện pháp xử lý mẫu			Ghi chú
								Mẫu lấy	Giám định	Lưu							Trả lại	Thanh lý	Hủy	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

7. Sổ theo dõi giám sát khử trùng hàng xuất nhập khẩu

STT	Ngày xử lý	Chủ hàng	Tên hàng	Số lô	Số lượng	Khối lượng	Thể tích	Nơi sản xuất	Phương tiện vận tải	Tình trạng nhiễm dịch	Hàng xuất khẩu			Hàng nhập khẩu			Thời gian GSKT	Đơn vị xử lý	Địa điểm xử lý	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Cán bộ GSKT	Phí GSKT	Biên lai thu phí	Ghi chú
											Số đăng ký	Nước nhập khẩu	Hợp đồng, LC/số bill	Số lệnh	Nước XK	Cán bộ giám định									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)

III. SỔ KHÁC

8. Sổ theo dõi hàng chuyển tiếp, quá cảnh

STT	Ngày cấp	Chủ hàng	Tên hàng	Tên khoa học	Số lô	Số lượng (bao)	Khối lượng (T)	Nơi xuất xứ	Phương tiện chuyên chở	Nơi chuyển tiếp	Nơi hàng đến	Tình trạng bao gói	Tình trạng dịch hại	Kết luận	Phí KDTV	Biên lai thu phí	Số bản cấp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

9. Sổ theo dõi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và KDTV

STT	Số đăng ký	Số Quyết định xử lý	Ngày quyết định xử lý	Chủ hàng	Tên hàng	Tên khoa học	Khối lượng (T)	Hành vi vi phạm	Lần vi phạm	Số Biên bản vi phạm	Số tiền phạt	Biên lai	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Phụ lục III

MẪU DẤU NGHIỆP VỤ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phụ lục IV
BẢNG MÃ ĐƠN VỊ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên đơn vị	Mã số đơn vị	Tên trạm	Mã số trạm	Mã số đầy đủ
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT	**00**		**00**	0000
Chi cục KDTV vùng I	**01**	Văn phòng Chi cục	**01**	0101
		Trạm KDTV Móng Cái	02	0102
		Trạm KDTV Hạ Long	03	0103
		Trạm KDTV Bắc Phong Sinh	04	0104
		Trạm KDTV Bình Liêu	05	0105
Chi cục KDTV vùng II	**02**	Văn phòng Chi cục	**01**	0201
		Trạm KDTV sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	02	0202
		Trạm KDTV Vũng Tàu	03	0203
		Trạm KDTV Mộc Bài	04	0204
Chi cục KDTV vùng III	**03**	Văn phòng Chi cục	**01**	0301
		Trạm KDTV Lao Bảo	02	0302
		Trạm KDTV La Lay	03	0303
		Trạm KDTV Cảng Đà Nẵng	04	0304
		Trạm KDTV sân bay quốc tế Đà Nẵng	05	0305
		Trạm KDTV Đông Hà - Quảng Trị	06	0306
		Trạm KDTV Thừa Thiên - Huế	07	0307
Chi cục KDTV vùng IV	**04**	Văn phòng Chi cục	**01**	0401
		Trạm KDTV cảng Quy Nhơn	02	0402
		Trạm KDTV cảng Nha Trang	03	0403
Chi cục KDTV vùng V	**05**	Văn phòng Chi cục	**01**	0501
		Trạm KDTV sân bay quốc tế Nội Bài	02	0502
		Trạm KDTV Thụy Vân	03	0503
Chi cục KDTV vùng VI	**06**	Văn phòng Chi cục	**01**	0601
		Trạm KDTV Cha Lo	02	0602
		Trạm KDTV Cầu Treo	03	0603
		Trạm KDTV Nậm Cắn	04	0604
Chi cục KDTV vùng VII	**07**	Văn phòng Chi cục	**01**	0701
		Trạm KDTV Tân Thanh	02	0702
		Trạm KDTV Cổng Trắng	03	0703
		Trạm KDTV Chi Ma	04	0704
		Trạm KDTV Hữu Nghị	05	0705
		Trạm KDTV ga quốc tế Đồng Đăng	06	0706

Tên đơn vị	Mã số đơn vị	Tên trạm	Mã số trạm	Mã số đầy đủ
Chi cục KDTV vùng VIII	**08**	Văn phòng Chi cục	**01**	0801
		Trạm KDTV cửa khẩu QT Lào Cai	02	0802
		Trạm KDTV Kim Thành	03	0803
		Trạm KDTV Ga Lào Cai	04	0804
		Trạm KDTV Mường Khương	05	0805
		Trạm KDTV Km0 Bản Vược	06	0806
		Trạm KDTV Quang Kim - Lào Cai	07	0807
		Trạm KDTV Thanh Thủy - Hà Giang	08	0808
		Trạm KDTV Phó Bảng - Hà Giang	09	0809
		Trạm KDTV Xín Mần - Hà Giang	10	0810
		Trạm KDTV Săm Pun - Hà Giang	11	0811
		Trạm KDTV Bát Xát	12	0812
Chi cục KDTV vùng IX	**09**	Văn phòng Chi cục	**01**	0901
		Trạm KDTV Tịnh Biên	02	0902
		Trạm KDTV Vĩnh Sương	03	0903
		Trạm KDTV Vĩnh Hội Đông	04	0904
		Trạm KDTV Khánh Bình	05	0905
		Trạm KDTV Cảng Cần Thơ	06	0906
		Trạm KDTV Cảng Mỹ Thới	07	0907
Chi cục BVTV Quảng Ninh	**01**	Văn phòng Chi cục	**20**	0120
		Trạm KDTV Hoành Mô	21	0121
Chi cục BVTV Bình Phước	**02**	Văn phòng Chi cục	**20**	0220
		Trạm KDTV Tà Vạt	21	0221
		Trạm KDTV Chiu Riu	22	0222
		Trạm KDTV Hoàng Diệu	23	0223
		Trạm KDTV Tân Tiến	24	0224
		Trạm KDTV Hoa Lư	25	0225
Chi cục BVTV Đồng Tháp	**02**	Văn phòng Chi cục	**30**	0230
		Trạm KDTV Cảng Đồng Tháp	31	0231
		Trạm KDTV Dinh Bà	32	0232
		Trạm KDTV Thường Phước	33	0233
		Trạm KDTV Sở Thượng	34	0234
		Trạm KDTV Thông Bình	35	0235
Chi cục BVTV Long A	**02**	Văn phòng Chi cục	**40**	0240
		Trạm KDTV Bình Hiệp	41	0241
		Trạm KDTV Tho Mo	42	0242
		Trạm KDTV Bình Tứ	43	0243

Tên đơn vị	Mã số đơn vị	Tên trạm	Mã số trạm	Mã số đầy đủ
Chi cục BVTV Tây Ninh	**02**	Văn phòng Chi cục	**50**	0250
		Trạm KDTV Xa Mát	51	0251
		Trạm KDTV Chàng Riệc	52	0252
		Trạm KDTV Phước Tân	53	0253
		Trạm KDTV Kà Tum	54	0254
Chi cục BVTV Thừa Thiên - Huế	**03**	Văn phòng Chi cục	**20**	0320
		Trạm KDTV S3 Hồng Vân - Kou Tai	21	0321
		Trạm KDTV S10 A Đớt - Tà Vàng	22	0322
Chi cục BVTV Đắc Nông	**04**	Văn phòng Chi cục	**20**	0420
		Trạm KDTV Buprăng	21	0421
		Trạm KDTV Đăk Pơ	22	0422
Chi cục BVTV Gia Lai	**04**	Văn phòng Chi cục	**30**	0430
		Trạm KDTV Lệ Thanh	31	0431
Chi cục BVTV Kon Tum	**04**	Văn phòng Chi cục	**40**	0440
		Trạm KDTV Bờ Y	41	0441
Chi cục BVTV Thanh Hóa	**06**	Văn phòng Chi cục	**20**	0620
		Trạm KDTV Na Mèo	21	0621
Chi cục BVTV Cao Bằng	**07**	Văn phòng Chi cục	**20**	0720
		Trạm KDTV Tà Lùng	21	0721
		Trạm KDTV Trà Lĩnh	22	0722
		Trạm KDTV Sóc Giang	23	0723
		Trạm KDTV Bí Hà	24	0724
		Trạm KDTV Lý Vạn	25	0725
		Trạm KDTV Pò Peo	26	0726
		Trạm KDTV Đức Long	27	0727
Chi cục BVTV Điện Biên	**08**	Văn phòng Chi cục	**20**	0820
		Trạm KDTV Tây Trang	21	0821
Chi cục BVTV Lai Châu	**08**	Văn phòng Chi cục	**30**	0830
		Trạm KDTV Ma Lu Thàng	31	0831
Chi cục BVTV Kiên Giang	**09**	Văn phòng Chi cục	**20**	0920
		Trạm KDTV Hà Tiên	21	0921
		Trạm KDTV Giang Thành	22	0922

Ghi chú:

- KDTV: Kiểm dịch thực vật.
- Bảng mã đơn vị KDTV sẽ được cập nhật nếu có thêm Chi cục KDTV được thành lập hoặc Chi cục Bảo vệ thực vật được ủy quyền thực hiện công tác KDTV đối ngoại.